CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Bắc Ninh, năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 78 /HĐQT-BC	*Bắc Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2018*

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NỘI DUNG

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch:	Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/04/2015.
- Vốn điều lệ:	11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ:	Số 118 - Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại:	02413 826 746
- Số fax:	02413 823 366
- Website:	www.inwama4.vn
- Mã cổ phiếu:	DT4

Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 là Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4 được thành lập 11/7/1964, là đơn vị sự nghiệp có thu.

- Ngày 03/12/2014 Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 4568/QĐ – BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4, thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thành Công ty cổ phần.

- Ngày 04/02/2015 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có Quyết định số 134/QĐ - CĐTNĐ của về việc cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

- Ngày 05/3/2015 Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký doanh nghiệp số: 2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/04/2015.

- Ngày 12/7/2016 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 428/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; Thông báo số 686/TB-SGDHN ngày

12/7/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo ngày giao dịch đầu tiên của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

Công văn số 4900/BGTVT-QLDN về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa; Công văn số 8341/VPCP-ĐMDN ngày 04/10/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước về SCIC; Công văn số 12228/BGTVT-QLDN ngày 18/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa;

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã lập hồ sơ chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo đúng yêu cầu của SCIC. Ngày 07/11/2016 tại trụ sở Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) thống nhất lập biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số: 4,7,9,11,12,12,14,15 từ Bộ GTVT về SCIC.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	*5222 (chính)*
2	Xây dựng nhà các loại	*4100*
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	*4210*
4	Xây dựng công trình công ích	*4220*
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
6	Phá dỡ	*4311*
7	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
8	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	*4322*
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
13	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
14	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	*0899*

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Đóng tàu và kết cấu nổi	*3011*
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
17	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	*4661*
18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.	*7110*
19	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	*3290*
20	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	*5021*
21	Vận tài hàng hóa đường thủy nội địa	*5022*
22	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	*7830*
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
24	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
25	Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	*3530*
26	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
27	Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện	*Ngành, nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*

* Địa bàn kinh doanh: Tập trung tại khu vực phía bắc.

3. SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

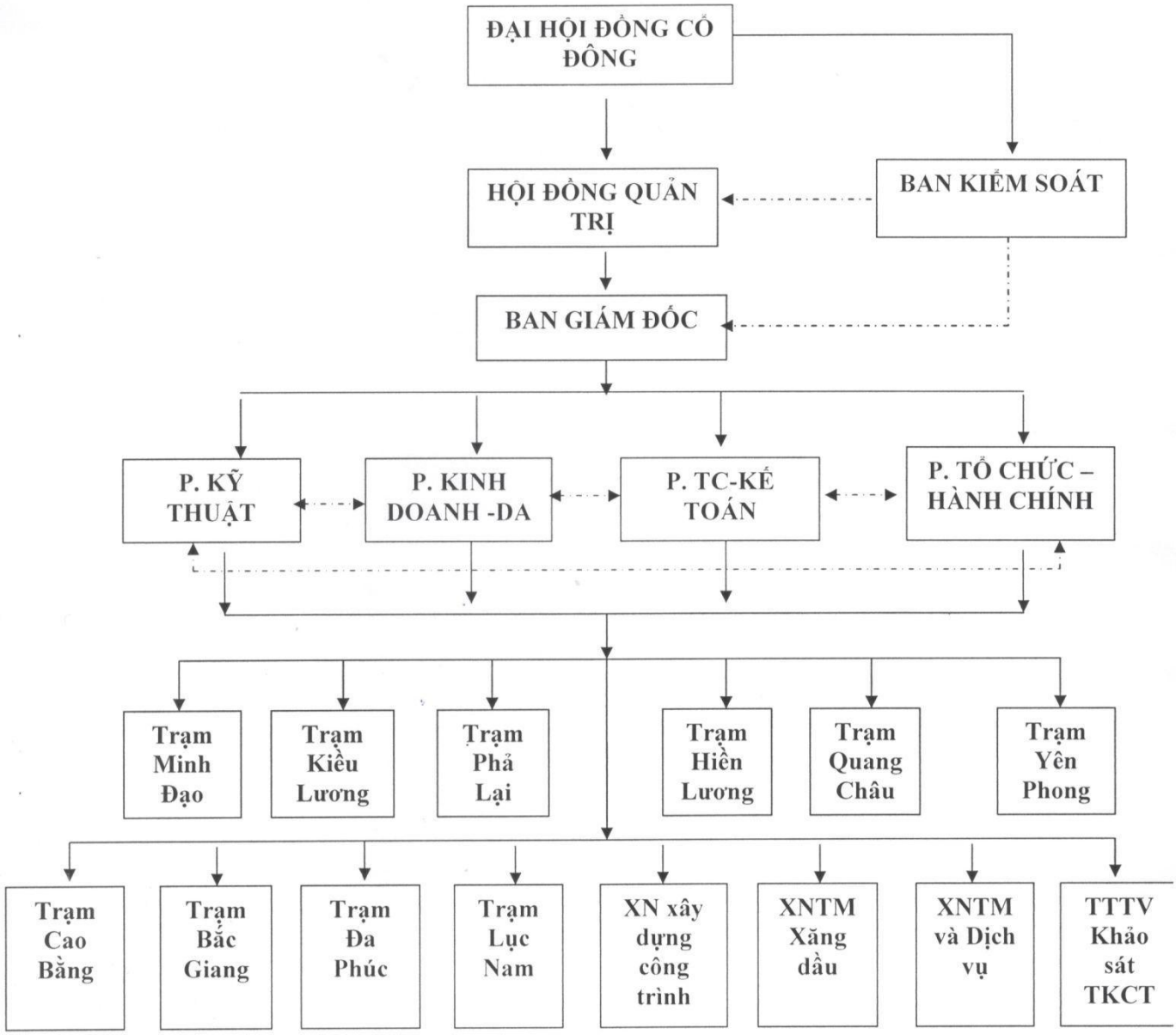

Ghi chú:

Quan hệ điều hành: ——→

Quan hệ phối hợp: ←- - - -→

Quan hệ giám sát: - - - - - →

3.1. Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, quyết định các vấn đề liên quan:

- Thông qua Điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều lệ hoạt động;
- Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm HĐQT, BKS; thù lao cho thành viên HĐQT, BKS;
- Phương án chào bán, phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ;
- Chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm năm;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty quy định.

3.2. Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trong liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đội hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định:

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty quy định.

3.3.Ban kiểm soát:

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lí, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

- Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ Công ty; báo cáo tài chính năm, các vấn đề kiểm toán, hoạt động của Công ty;

- Hằng năm, trình Đại hội đồng Cổ đông các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của Công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Giám đốc;

- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;

- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty;

3.4.Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Là người đại diện pháp luật của Công ty. Có trách nhiệm giám sát Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

3.5. Ban Giám đốc điều hành:

Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về các quyết định của mình và kết quả hoạt động kinh doanh. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, liên doanh liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc Công ty, điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Các phòng chức năng:

Các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc các công việc thuộc phạm vi chức năng của Phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc của trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

3.6. Các phòng nghiệp vụ:

*** Các phòng**:

1.1- Phòng Kỹ thuật;

1.2- Phòng Kinh doanh – Dự án;

1.3- Phòng Tổ chức Hành chính;

1.4- Phòng Tài chính – Kế toán;

*** Các đơn vị trực thuộc:**

+ Trạm QLĐTNĐ Minh Đạo	+ Trạm QLĐTNĐ Cao Bằng
+ Trạm QLĐTNĐ Kiều Lương	+ Trạm QLĐTNĐ Bắc Giang
+ Trạm QLĐTNĐ Phả Lại	+ Trạm QLĐTNĐ Lục Nam
+ Trạm QLĐTNĐ Hiền Lương	+ Xí nghiệp TM Xăng dầu
+ Trạm QLĐTNĐ Quang Châu	+ Xí nghiệp xây dựng công trình
+ Trạm QLĐTNĐ Yên Phong	+ Xí nghiệp thương mại và dịch vụ
+ Trạm QLĐTNĐ Đa Phúc	+ Trung tâm tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông

*** Mô hình tổ chức bộ máy**:

Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị: 05 người (01 Chủ tịch, 4 ủy viên HĐQT)

Ban kiểm soát: 03 người (01 Trưởng ban, 02 ủy viên)

Ban Giám đốc: 04 người (01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc)

3.6.1- Phòng Kỹ thuật;

I. Chức năng, nhiệm vụ:

- Phòng kỹ thuật là đơn vị trực thuộc bộ máy quản lý của Công ty, có chức năng nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc để triển khai chỉ đạo hướng dẫn kiểm tra giám sát của Công ty với các đơn vị trực thuộc về: Quy trình quy phạm kỹ thuật của ngành của Nhà nước liên quan đến ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Lập phương án, hồ sơ đấu thầu công việc bảo trì ĐTNĐ trong phạm vi Công ty được giao, giao khối lượng công việc đã chúng thầu cho các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện, theo dõi hướng dẫn kiểm tra các đơn vị tổ chức nghiệm thu nội bộ và nghiệm thu với Chi cục Đường thủy nội địa phía Bắc theo đúng "Quy trình về quản lý chất lượng trong công tác quản lý, bảo trì thường xuyên đường thủy nội địa quốc gia thuộc phạm vi trách nhiệm của Chi cục ĐTNĐ phía Bắc";

+ Xây dựng phương án, hồ sơ đấu thầu thi công công trình trên sông, hồ sơ đấu thầu ĐTKC các công trình xây dựng trên sông, giao khối lượng công việc đã chúng thầu cho các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện, theo dõi hướng dẫn kiểm tra các đơn vị và tổ chức nghiệm thu A-B;

+ Tham gia với các phòng chuyên môn đấu thầu thi công công trình khi có chỉ đạo của Ban Giám đốc;

+ Chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi các đơn vị trực thuộc về công tác nghiệp vụ theo chức năng được giao để tổng hợp báo cáo kết quả đã kiểm tra xử lý trình Ban Giám đốc;

+ Tổ chức thực hiện và khai thác có hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật được, đảm bảo cho việc sản xuất tại Công ty đạt chất lượng tốt, đúng quy trình quy phạm;

+ Quản lý thiết bị, theo dõi phương tiện toàn Công ty. Trình duyệt phương án sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ và khi phương tiện bị hư hỏng;

+ Quản lý lưu trữ, bảo quản hồ sơ và cung cấp tư liệu để phục vụ cho các hoạt động chung của Công ty (hồ sơ kỹ thuật);

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Giám đốc công ty.

II. Trình tự các bước thực hiện nội dung nhiệm vụ của phòng:

1. Trình tự thực hiện các bước công việc.

1.1 Công tác bảo trì.

1.1.1 Công tác xây dựng kế hoạch, lập phương án, dự toán công tác quản lý bảo trì.

- Công tác lập phương án bố trí báo hiệu trình Chi cục phê duyệt:

Trên cơ sở phương án, dự toán công tác quản lý bảo trì, được Chi cục phê duyệt của năm đang thực hiện, vào đầu quý 4 Phòng Kỹ thuật sẽ rà soát lại toàn bộ hệ thống báo hiệu đang triển khai trên tuyến theo phương án được duyệt, đối chiếu với thực tế tuyến luồng hiện tại, xem có chỗ nào chưa chưa hợp lý với thực tế tuyến luồng hiện tại, sau đó chỉnh sửa, bổ sung vào sơ đồ dự kiện cho năm sau và gửi cho các Trạm xem có cần chỉnh sửa, bổ sung chỗ nào chưa hợp lý, thừa hoặc thiếu sau đó chỉnh sửa lại lần cuối và in trình Chi cục phê duyệt cho năm sau (thời gian trong tháng 10 hàng năm)

- Công tác lập dự toán công tác quản lý bảo trì trình Chi cục phê duyệt.

Trên cơ sở phương án bố trí báo hiệu dự kiến triển khai, định mức, định ngạch được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt, kết hợp với định mức, định ngạch chuyên ngành hiện hành, số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị hiện có của đơn vị, Phòng Kỹ thuật lập bảng khối lượng chi tiết cho từng Trạm và toàn Công ty chuyển cho phòng Kế hoạch - Kinh doanh lập dự toán để trình Chi cục phê duyệt.

1.1.2. Giao phương án, dự toán cho các Trạm Quản lý đường thủy nội địa.

Sau khi được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Chi cục phê duyệt phương án bố trí báo hiệu, định mức, định ngạch Phòng Kỹ thuật chủ động phân khai các hạng mục công việc và giao phương án chi tiết từng hạng mục công việc, từng tháng, từng quý cho các đơn vị triển khai thực hiện, *(thời gian trước ngày 20 của tháng cuối quý trước sẽ giao phương án cho quý sau).*

Sau khi giao phương án chi tiết chi tiết từng hạng mục công việc, từng tháng, từng quý cho các đơn vị triển khai thực hiện, Phòng Kỹ thuật chuyển khối lượng cho Phòng Kế hoạch - Kinh doanh lập dự toán và giao cho các đơn *(thời gian trước ngày 25 của tháng cuối quý trước giao dự toán cho quý sau)*

1.1.3. Các đơn vị triển khai thực hiện.

- Khi được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Chi cục phê duyệt phương án bố trí báo hiệu, Công ty sao gửi sơ đồ bố trí báo hiệu được Cục và Chi cục phê duyệt để các đơn vị triển khai thực hiện theo đúng phương án được duyệt.

- Trên cơ sở phương án bố trí báo hiệu, định mức định ngạch và dự toán được duyệt, Công ty phân khai các hạng mục và giao cho các Trạm Quản lý đường thủy nội địa để triển khai thực hiện. Các Trạm chủ động triển khai công việc theo phương án, dự toán được giao, đồng thời phân khai, bố trí các công việc trên tuyến cũng như ở Trạm cho hợp lý và hiệu quả, đảm bảo tuyến thông, đèn sáng, đảm bảo an toàn giao thông trong phạm vi tuyến đơn vị quản lý.

1.1.4. Công tác nghiệm thu với Trạm, Chi cục.

- Công tác nghiệm thu với Trạm.

+ Nghiệm thu tháng hàng tháng Phòng Kỹ thuật sẽ đi kiểm tra nghiệm thu, lập biên bản xác nhận khối lượng công việc của các đơn vị thực hiện (thời gian từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng sau nghiệm thu các hạng mục của tháng trước cho các đơn vị).

+ Nghiệm thu quý: Thời gian từ ngày 01 đến ngày 15 của tháng đầu của quý sau, Công ty thành lập các đoàn đi kiểm tra, nghiệm thu công tác quản lý, bảo trì thường xuyên quý cho các đơn vị, sau đó Phòng Kỹ thuật lập bảng tổng hợp khối lượng chuyển cho Phòng Kế hoạch- Kinh doanh tính toán, xác định gía trị thực hiện cho các đơn vị để làm công tác thanh quyết toán công trình.

- Công tác nghiệm thu với Chi cục.

Sau khi đã hoàn thành công tác nghiệm thu quý với các Trạm, Phòng Kỹ thuật chủ động báo cáo và xin ý kiến của Ban Giám đốc để mời Chi cục

nghiệm thu giai đoạn và nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo trỡ thường xuyên để làm cơ sở thanh quyết toán cho các đơn vị (nghiệm thu giai đoạn thời gian thực hiện xong trước ngày 15 của tháng đầu quý sau nghiệm thu cho quý trước, riêng nghiệm thu hoàn thành thời gian trước ngày 31/12).

2. Công tác sửa chữa bảo dưỡng, mua sắm bổ sung vật dụng phương tiện.

Các đơn vị được trang bị phương tiện sử dụng trong công tác quản lý bảo trì, trong qúa trình quản lý, khai thác nếu có bị hỏng trong qúa trình sử dụng, hoặc cần mua sắm bổ sung các trang thiết bị cho phương tiện yêu cầu:

- Trạm phải lập biên bản báo cáo chi tiết (đối với phương tiện bị hỏng, sự cố), hoặc có giấy đề nghị (đối với việc mua sắm bổ sung), gửi về Công ty và các bộ chuyên quản.

- Các bộ phận chuyên quản sẽ báo cáo và xin ý kiến Ban Giám đốc và đi kiểm tra ,lập biên bản khảo sát chi tiết, báo cáo và xin ý kiến của Ban Giám đốc, khi Ban Giám đốc đồng ý cho sửa chữa, hoặc mua sắm bổ sung, Phòng Kỹ thuật lập phương án và lên khối lượng chi tiết chuyển cho Phòng Kế hoạch -Kinh doanh lập dự toán trình Ban Giám đốc phê duyệt, sau đó giao nhiệm vụ để đơn vị triển khai thực hiện

3.Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình ĐTKC và thi công các công trình trên sông.

3.1. Giao phương án và khối lượng thi công trên cơ sở Hợp đồng A-B

- Giao khối lượng công việc đã chúng thầu hoặc chỉ định thầu cho các đơn vị (Xí nghiệp hoặc các Trạm) trong qúa trình triển khai thực hiện, phòng cử cán bộ theo dõi hướng dẫn kết hợp với bên A (chủ đầu tư) kiểm tra các đơn vị trong quá trình thi công về sổ sách, chất lượng công trình và tiến độ thi công.

3.2. Nghiệm thu, thanh toán công trình

3.2.1 Nghiệm thu hoàn thành giữa Công ty và đơn vị

- Việc nghiệm thu giai đoạn hoặc nghiệm thu giai đoạn hoàn thành đưa vào sử dụng: Các đơn vị khi thực hiện xong từng hạng mục công việc theo phiếu giao nhiệm vụ sản xuất, chủ động phát giấy mời Phòng Kỹ thuật xuống kiểm tra, nghiệm thu, các thành phần được cử đi nghiệm thu phải kiểm tra thực tế sau đó lập biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng để làm cơ sở cho việc thanh toán nội bộ.

3.2.1 Nghiệm thu hoàn thành giữa Công ty và bên A (chủ đầu tư)

Đối với bên A (chủ đầu tư) phòng sẽ làm việc và thống nhất nội dung, thời gian để phát giấy mời nghiệm thu sau khi đó nghiệm thu nội bộ đạt chất lượng yêu cầu từng giai đoạn hoặc nghiệm thu giai đoạn hoàn thành đưa vào sử dụng để làm cơ sở thanh toán khi công trình hoàn thành;

- Sau khi đã nghiệm thu khối lượng với bên A phòng chuyển khối lượng cho Phòng Kế hoạch - Kinh doanh để thanh toán, quyết toán công trình.

3.6.2- Phòng Kinh doanh – Dự án;

I. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

1) Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc quản lý các lĩnh vực sau:

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược hoạt động của Công ty;

- Thống kê tổng hợp công tác sản xuất, kinh doanh;

- Công tác điều độ sản xuất kinh doanh;

- Lập dự toán các hạng mục theo quyền hạn được giao;

- Làm các hợp đồng kinh tế, xây dựng, mua sắm phương tiện, thiết bị, vật tư, nhiên liệu và các hợp đồng trên các lĩnh vực khác theo quy định hiện hành;

- Thanh quyết toán các hạng mục của Công ty;

- Công tác Đấu thầu, nhận thầu, chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà cung cấp vật tư, thiết bị;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

2) Nhiệm vụ:

+ Công tác kế hoạch

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty từng giai đoạn. Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư và thực hiện lập các dự án đầu tư. Chủ trì lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý, năm và kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty;

- Thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện các công việc sản xuất kinh doanh của Công ty và các công việc khác được giao;

- Phân tích đánh giá kết quả về thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm trên cơ sở đó báo cáo tổng kết kế hoạch quý, năm rút ra những mặt mạnh, yếu, tìm nguyên nhân phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm;

+ Công tác lập dự toán

- Chủ trì lập dự toán công tác trong quản lý thường xuyên, các công trình ngoài trình Giám đốc và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Tham mưu cho Giám đốc duyệt dự toán, thanh quyết toán khối lượng thực hiện của quản lý thường xuyên, dự án đầu tư xây dựng công trình, các hạng mục khác theo nhiệm vụ được giao;

+ Công tác hợp đồng

- Chủ trì soạn thảo và quản lý các hợp đồng kinh tế, phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ kiểm tra theo dõi công tác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng kinh tế;

- Tham mưu cho Giám đốc về hợp đồng kinh tế các nguồn vốn do Công ty làm chủ đầu tư và hợp đồng khác theo quy định hiện hành .Phối hợp cùng các phòng thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán;

- Chủ trì trong công tác định mức quy chế của công ty;

+ Công tác đấu thầu

- Tham mưu cho Giám đốc thực hiện tìm kiếm công việc ngoài, tham gia đấu thầu các dự án nhằm tạo doanh thu và lợi nhuận cho công;

- Chủ trì tham mưu trình tự thủ tục đầu tư – xây dựng, đấu thầu công trình ngoài theo ngành, nhề kinh doanh của Công ty;

- Lập và soát xét hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, phần chỉ dẫn đối với nhà thầu, tham mưu tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu theo quy định hiện hành.

- Tham gia vào tổ chuyên giagiúp việc đấu thầu, tham mưu cho Giám đốc giải quyết mọi thủ tục có liên quan từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc dấu thầu. Thực hiện các nhiệm vụ khác do khi lãnh đạo yêu cầu.

3) Quyền hạn:

- Được quyền tham gia góp ý kiến đề xuất giải pháp thực hiện các lĩnh vực hoạt đông của đơn vị;

- Được quyền hạch toán các công trình ngoài và các hạng mục khác của đơn vị

- Ký các văn bản hành chính và nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và của Công ty để thực hiện các công việc được phân công và theo sự uỷ quyền của giám đốc;

- Được tham gia việc bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ nhân viên thuộc phòng;

- Được quyền sử dụng các trang thiết bị, phương tiện của Công ty vào mục đích công tác để hoàn thành các nhiệm vụ nên trên;

- Xây dựng trình Giám đốc kế hoạch và chương trình làm việc của đơn vị mình được quy định tại mục a, đảm bảo đúng quy định, chất lượng và hiệu quả của công tác tham mưu;

- Bảo đảm tuân thủ theo quy định của đơn vị và pháp luật của Nhà nước trong quá trình thực hiện công việc;

- Thường xuyên báo cáo Giám đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Bảo quản, lưu trữ, quản lý hồ sơ tài liệu thuộc công việc của phòng theo quy định;

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trên./.

II. Các quy trình:

II.1. Công tác quản lý bảo trì thường xuyên

1. Đơn xin đặt hàng Công ty với Chi cục.

2. Hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty với Chi cục.

3. Lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phương án báo hiệu, định ngạch công tác quản lý bảo thường xuyên đường thuỷ nội địa được Cục Đường thuỷ nội địa Việt Nam phê duyệt.

4. Hợp đồng đặt hàng công tác quản lý bảo thường xuyên đường thuỷ nội địa giữa Công ty với Chi cục.

5. Giao kế hoạch cho từng đơn vị trong Công ty theo quý.

6. Căn cứ biên bản nghiệm thu theo quý, làm hồ sơ thanh toán giữa Công ty với các trạm, đội.

7. Thanh toán hồ sơ A-B Công ty với Chi cục.

8. Hết năm làm hồ sơ quyết toán.

II.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu:

1. Lập kế hoạch đấu thầu và trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt kế hoạch đấu thầu;

2. Lập hồ sơ mời thầu (nếu là ĐT rộng rãi) và trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt;

3. Lập danh sách ngắn các nhà thầu (nếu là ĐT hạn chế) và trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt;

4. Lập hồ sơ mời thầu và và trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt;

5. Đăng Báo Đấu thầu 3 kỳ liên tiếp và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu đối (nếu là ĐT rộng rãi) đồng thời gửi 01 bộ hồ sơ mời thầu và thông báo với phòng kế toán tài vụ về thời gian bán hồ sơ mời thầu.

6. Gửi thư mời thầu tới các nhà thầu (nếu là ĐT hạn chế)

7. Kết hợp với phòng kế toán tài vụ bán hồ sơ mời thầu.

8. Tiếp nhận hồ sơ đấu thầu.

9. Mở và đánh giá HSĐX Kỹ thuật.

10. Lập danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt.

11. Mở và đánh giá HSĐX Tài chính của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

12. Đánh giá tổng hợp về mặt tài chính và kỹ thuật.

13. Lập danh sách điểm tổng hợp của các nhà thầu và trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt

14. Mời nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất đàm phán. Hợp đồng Trường hợp đàm phán hợp đồng không thành, mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán.

15. Lập và trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu

16. Tổ chức thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và trình Lãnh đạo Công ty ký kết hợp đồng.

II.3. Quy trình thanh quyết toán công trình

1. Lập hồ sơ kết toán, quyết toán hạng mục, công trình trên cơ sở khối lượng đã được nhà thầu, TVGS, chủ đầu tư xác nhận.

* Hồ sơ thanh toán nhà thầu bao gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát.

+ Bản vẽ hoàn công khối lượng hoàn thành

+ Chứng chỉ chất lượng vật tư, vật liệu

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận.

+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị đã hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán

+ Hóa đơn tài chính, công văn đề nghị thanh toán của nhà thầu.

2. Phòng Kinh doanh - Dự án kiểm tra, xác nhận và gửi phòng kế toán rà soát lại. Trình lãnh đạo Công ty ký duyệt.

II.4. Công tác quản lý tài liệu - hồ sơ

1. Phân công người quản lý hồ sơ - tài liệu

- Lãnh đạo phòng phân công người trực tiếp quản lý, lưu trữ hồ sơ và người được phép tiếp cận các loại hồ sơ đó.

- Người được phân công quản lý hồ sơ phải có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện và lưu giữ tài liệu theo các quy định và thủ tục quản lý hồ sơ của đơn vị mình,

2. Phân loại, sắp xếp tài liệu hồ sơ để lưu trữ.

- Tài liệu được phân loại theo từng dự án: hồ sơ đã thực hiện xong, đang thực hiện, tài liệu đang giải quyết. Trong mỗi dự án, tài liệu được phân chia theo từng gói thầu cụ thể để dễ quản lý.

- Sắp xếp các hồ sơ, chứng từ và lập danh mục ghi rõ nội dung, số lượng các hồ sơ,chứng từ đó. Định kỳ 1 tháng phải cập nhật hồ sơ mới vào danh mục hồ sơ.

3. Quản lý hồ sơ, tài liệu

Các các nhân, đơn vị khác có nhu cầu mượn hoặc copy tài liệu, phải được Lãnh đạo phòng đồng ý. Người mượn tài liệu phải có trách nhiệm giữ gìn, bản quản tài liệu và trả lại tài liệu đúng thời gian như đã cam kết.

3.6.3- Phòng Tổ chức Hành chính;

I. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng TC-HC:

1. Chức năng:

1.1. Tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả toàn bộ đôi ngũ CB-CNV thuộc phạm vi đã được phân cấp quản lý.

1.2. Nghiên cứu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để đề đạt quy mô tổ chức sản xuất, tổ chức lao động phù hợp, quản lý chặt chẽ, bảo đảm không ngừng tăng năng xuất lao động trong Công ty.

1.3.Tổ chức thực hiện tốt chế độ chính sách đã được Nhà nước qui định, đối với người lao động. Phối hợp với tổ chức quần chúng của Đảng (công đoàn, đoàn thanh niên), tổ chức các phong trào thi đua trong công nhân viên chức, sơ tổng kết khen thưởng kịp thời nhằm động viên hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên giao cho Công ty.

1.4. Tổ chức giáo dục CB-CNV nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ sản xuất , bảo vệ tài sản và trật tự cơ quan.

2/ Nhiệm vụ:

2.1. Giúp Giám đốc nắm vững tình hình từng CBCNVC trong Công ty. Nắm vững trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, năng lực, sở trường, nguyện vọng, sức khoẻ, lịch sử gia đình bản thân của từng CBCNV để có kế hoạch bồi dưỡng đúng năng lực, nhằm phát huy khả năng trình độ, phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

2.2. Căn cứ vào tình hình sản xuất của Công ty, nghiên cứu xây dựng chức trách, nhiệm vụ, đề xuất, thành lập hoặc giảm nhẹ tổ chức sản xuất cho phù hợp yêu cầu thực tế của Công ty.

2.3. Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất của Công ty lập kế hoạch lao động - tiền lương và quy chế sử dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng, kế hoạch cải thiện chế độ, điều kiện làm việc, bảo hiểm lao động, kế hoạch BHYT và có những biện pháp thực hiện những kế hoạch đó có hiệu quả tốt nhất.

2.4. Tham mưu đề xuất điều động, điều phối CB-CNV trong nội bộ sao cho sử dụng hiệu quả nguồn lao động nội bộ hiện có và kiến nghị cấp trên điều động.

2.5. Quản lý chặt chẽ, chính xác hồ sơ lý lịch CB-CNV thuộc quyền phân cấp quản lý của Công ty.

2.6. Lập kế hoạch thường xuyên đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật hàng năm đúng chính sách, chế độ.

2.7. Nghiên cứu thực hiện đúng đắn đường lối chính sách cán bộ của Đảng trong việc bổ nhiệm sử dụng cán bộ theo phân cấp quản lý.

2.8. Tổ chức điều tra, kiểm tra các vụ tai nạn lao động, kết hợp với công đoàn các sở cơ quan địa phương và cơ quan nhà nước có liên quan giải quyết .

2.9. Nghiên cứu sử dụng lao động thật hợp lý và khoa học, tổ chức thực hiện tốt kỷ luật lao động, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, xây dựng các chỉ tiêu định mức lao động, hình thức trả lương sản phẩm hợp lý nhằm khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất lao động góp phần giảm, hạ giá thành sản phẩm.

2.10. Quản lý và giám sát chặt chẽ chế độ trả lương chế độ tiền thưởng đúng chính sách đúng chế độ và đúng quy chế trả lương đã được Công ty xây dựng.

2.11. Thực hiện đúng chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất đến lãnh đạo Công ty và cấp trên đúng thời gian quy định và phân cấp báo cáo (tháng, năm).

2.12. Theo dơi, phân tích hồ sơ các vụ việc vi phạm kỷ luật trình giám đốc triệu tập hội đồng xử lý, giáo dục kịp thời.

2.13. Theo dõi thống kê tình hình sử dụng, quản lý thời gian lao động, tiền lương và năng xuất lao động và có phương án đề xuất quản lý lao động có hiệu quả hơn

2.14. Tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng nhắc nhở ý thức bảo mật phòng gian, an ninh trật tự trong nội bộ.

2.15. Soạn thảo văn bản theo nhiệm vụ được giao, trình ký văn bản, đóng dấu, in ấn và phát hành đúng theo địa chỉ nơi nhận.

2.16. Tiếp nhận công văn, tài liệu đến và trình lãnh đạo xem xét để có sự chỉ đạo giải quyết kịp thời.

2.17. Thực hiện công tác đối nội, đối ngoại để giải quyết công việc khi được Công ty uỷ quyền.

2.18. Trang cấp, quản lý, điều chuyển thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ làm việc cho lãnh đạo công ty và các phòng theo yêu cầu đòi hỏi của công việc.

2.19. Tổ chức công tác bảo vệ, công tác vệ sinh, giữ gìn an ninh trật tự nơi làm việc, quản lý giờ giấc làm việc của CBCNV văn phòng.

2.20. Cấp giấy đi đường, giấy giới thiệu cho lãnh đạo và cán bộ đi công tác. Bố trí và điều động xe con phục vụ lãnh đạo theo yêu cầu.

2.21. Quan hệ với chính quyền sở tại đê giải quyết các thủ tục hành chính cho CBCNV đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

2.22. Phối hợp với công đoàn xây dựng các tiêu chuẩn thi đua khen thưởng và tham mưu cho lãnh đạo xét duyệt, đề nghị các mức mức khen thưởng khi CBCNV có thành tích trong lao động sản xuất.

3/ Quyền hạn:

3.1. Được quyền kiểm tra tình hình sử dụng, quản lý lao động, chấp hành kỷ luật lao động, chấp hành chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và quy chế quản lý các mặt của Công ty đối với người lao động trong các đơn vị sản xuất, công tác của Công ty.

3.2. Được quyền điều động, điều hoà lao động trong nội bộ nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên cũng như đột xuất sau khi đã xin ý kiến của Giám đốc.

3.3. Được quyền tổ chức phối hợp các phòng ban liên quan, kiểm tra đình chỉ những máy móc, thiết bị công cụ những bộ phận và cá nhân không chấp hành quy tắc và đảm bảo an toàn lao động xét thấy có thể gây ra tai nạn nguy hiểm đến tính mạng công nhân, tài sản nhà nước (việc đình chỉ có thể báo cáo Giám đốc trước hoặc sau khi quyết định).

3.4. Được quyền triệu tập các cuộc họp bàn, chuyên đề về công tác nhân sự, tiền lương, phổ biến chính sách chế độ đổi mới của người lao động.

3.5. Được quyền từ chối cung cấp chứng từ, hồ sơ, số liệu cho tổ chức hoặc cá nhân khi xét thấy không có lợi của người lao động, hoặc không thuộc chức năng của họ khi chưa có ý kiến của Giám đốc Công ty.

3.6. Được ký sao lục các văn bản chế độ chính sách của người lao động và cấp trên đối với công tác nhân sự tiền lương (Giám đốc uỷ quyền)

3.7. Được quyền yêu cầu các phòng ban, đơn vị, bộ phận trực thuộc cung cấp số liệu, chứng từ đầy đủ kịp thời phục vụ cho xây dựng kế hoạch yêu cầu về quản lý và báo cáo có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của phòng khi cần, không cần chờ ý kiến của lãnh đạo Công ty.

3.6.4- Phòng Tài chính – Kế toán

I. Chức năng, nhiệm vụ, nhân sự của phòng Kế toán tài vụ

1. Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh đối với sản xuất phụ, xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Công tác giao dịch với cơ quan tài chính, quản lý như Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Ninh, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, các ngân hàng thương mại và các đối tác kinh doanh khác;
- Tổ chức hệ thống tài chính, kiểm soát hồ sơ, chứng từ đầu vào, đầu ra, tổ chức bộ máy hạch toán kế toán, chi tiết cho từng bộ phận kế toán cụ thể:
  + Kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động.
  + Kế toán thanh toán.
  + Kế toán giao dịch kho bạc .
  + Kế toán giao dịch ngân hàng.
  + Kế toán thuế.
  + Kế toán tài sản cố định.
  + Kế toán tiền lương, và các khoản trích lập theo lương.
  + Kế toán tiền mặt.
  + Kế toán công nợ.
- Công tác thủ quỹ, thủ kho.

II. Nhân sự:

Phòng kế toán tài vụ là phòng chức năng trực thuộc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, nhân sự hiện có của phòng là 06 cán bộ, gồm 01 nam và 05 nữ, cụ thể:

- 01 Trưởng Phòng – Phụ trách chung
- 01 Phó Phòng phụ trách hạch toán kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lơng và các phải nộp theo lương, kế toán công nợ toàn Công ty; Các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công
- 01 Phó phòng phụ trách giao dịch ngân hàng, kho bạc, thuế và các nhiệm vụ khác do Trưởng Phòng phân công.
- 01 Phó phòng chuyên trách theo dõi, thanh toán các công trình.
- 01 kế toán viên chuyên trách theo dõi kinh doanh xăng dầu; Kế toán thanh toán; Kế toán Thuế và các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công;
- 01 thủ quỹ kiêm thủ kho.

3.6.5- Các Trạm quản lý đường thủy nội địa:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy:
Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy; và các nhiệm vụ khác được giao;

3.6.6- Xí nghiệp thương mại Xăng dầu:

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	*5222 (chính)*
2	Xây dựng nhà các loại	*4100*
3	Xây dựng công trình công ích	*4220*
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
5	Phá dỡ	*4311*
6	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
7	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	*4322*
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
13	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	*0899*
14	Đóng tàu và kết cấu nổi	*3011*
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
16	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	*4661*
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	*3290*
18	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	*5022*

3.6.7- Xí nghiệp xây dựng công trình:

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	*5222* *(chính)*
2	Xây dựng nhà các loại	*4100*
3	Xây dựng công trình công ích	*4220*
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
5	Phá dỡ	*4311*
6	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
7	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	*4322*
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
13	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	*0899*
14	Đóng tàu và kết cấu nổi	*3011*
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
16	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	*4661*
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	*3290*
18	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	*5022*

3.6.8- Xí nghiệp thương mại & dịch vụ:

***Ngành nghề kinh doanh*:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa đường bộ	*4933*
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
3	Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	*3530*
4	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
5	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	*4661*
6	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
7	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	*4322*
8	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
10	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
11	Sửa chữa máy móc thiết bị	*3312*

3.6.9: Trung tâm tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.

3.7. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Các công ty con: Không có

b. Các Công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

Tiếp tục duy trì ổn định, kiện toàn tổ chức hoạt động theo mô hình của Công ty cổ phần;

Xây dựng chiến lược, kiện toàn, mô hình tổ chức của Công ty, mục tiêu là đưa các hoạt động của Công ty phát triển mạnh bền vững, đưa các sản phẩm mang thương hiệu của Công ty ra thị trường trên toàn quốc. Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và ổn định đạt mục tiêu về lợi nhuận đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư;

Công ty tìm ra các giải pháp phát triển bền vững cho thị trường kinh doanh của Công ty, giữ ổn định thị trường, thêm các dòng sản phẩm mới, xây dựng phương án phát triển thị trường phù hợp;

Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện và có chính sách tốt nhất chăm lo đời sống người lao động, bảo vệ môi trường và tham gia phát triển cộng đồng;

Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén thích ứng yêu cầu đổi mới, có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh;

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 định hướng hoạt động kinh doanh: Tập trung mọi nguồn lực thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đã đề ra;

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, hoạch định chính sách, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy quản trị điều hành. Trong thời gian tới cần chủ động nâng cao trình độ quản lý, bồi dưỡng và hướng dẫn những kiến thức tối thiểu về kinh tế và kế hoạch cho tất cả cán bộ quản lý, công nhân và người lao động trong Công ty;

Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tìm kiếm nhà đầu tư góp vốn, tăng cường năng lực tài chính;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty: Có chính sách đãi ngộ xứng đáng để xây dựng Công ty với đội ngũ nhân viên chuyên ngiệp, năng động, ứng xử có văn hóa, phục vụ khách hàng tốt nhất để doanh nghiệp phát triển bền vững.

+ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

+ Rủi ro kinh tế:

Trong bối cảnh rủi ro và bất ổn đối với nền kinh tế toàn cầu, kinh tế thế giới năm 2017 chứng kiến đà tăng trưởng chậm lại. Hầu hết các nền kinh tế cho thấy sự tăng trưởng trì trệ, bất chấp những nỗ lực nới lỏng tài khóa về tiền tệ. Trước đà phục hồi mong manh của kinh tế thế giới cũng như biến động của giá dầu thế giới, thị trường tài chính. Năm 2017 cùng với một loạt chính sách vĩ mô, bình ổn tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước tỷ giá VNĐ/USD đã ổn định hơn do vậy khuyến khích nhập khẩu và các đối tác thương mại đầu tư chính của Việt Nam, trong khi đó xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra các nước khác sẽ gặp khó khăn do kém cạnh tranh về giá.

Trước tình hình trên năm 2017 Tập thể Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh đạt được kết quả đáng khích lệ: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 104.360.785.013 đồng tăng 9% so với năm 2016 trong đó doanh thu hoạt động kinh doanh thương mại chiếm 72,1% hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty chủ yếu là hưởng chiết khấu hoa hồng bán hàng, do mới đi vào hoạt động nên chính sách chăm sóc khách hàng, chiết khấu, giảm giá, nghiên cứu thị trường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí. Trong khi đó doanh thu quản lý bảo trì chiếm 11,3%; Doanh thu khối ĐTKC đảm bảo giao thông chiếm

10,8%; Doanh thu từ khối xây dựng và lĩnh vực khác chiếm 5,7% dẫn đến sức ép trong chi phí, vấn đề an sinh cho người lao động gặp nhiều khó khăn.

Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 05/3/2015, năm 2017 đầu tư đầu tư đóng mới phao dầu số 3 phục vụ kinh doanh thương mại bán lẻ dầu diezen; đầu tư 01 xe ô tô tải phục vụ kinh doanh thương mại đá viên và nước tinh khiết. Các dự án trên đòi hỏi đầu tư chi phí ban đầu lớn có thể tạo ra các rủi ro tiềm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Trong những năm qua, nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, vấn đề này ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận và kết quả kinh doanh của Công ty.

+ Rủi ro về lãi suất:

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất thông qua các biện pháp: Kiểm soát chặt công nợ phải thu, tối ưu hóa quay vòng vốn, tăng quay vòng đồng tiền, cơ cấu lại các khoản vay.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động doanh thu và chi phí của năm 2017 khi chuyển sang công ty cổ phần theo số liệu kiểm toán mốc thời gian từ 01/01/2017 đến 31/12/2017.

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2016-2017

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017(đồng)	% so với năm 2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.270.959.456	104.360.785.013	+ 9%
2	Doanh thu thuần	104.270.959.456	104.360.785.013	+ 9%
3	Lợi nhuận gộp	13.773.303.466	12.659.335.424	- 8,09%
4	Lợi nhuận thuần	1.574.723.247	1.290.176.193	- 18,07%
5	Lợi nhuận khác	(186.247.509)	(84.745.000)	- 54,5%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.388.475.738	1.205.431.193	-13,18%
7	Lợi nhuận sau thuế	1.073.531.089	947.385.954	-11,75%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty)

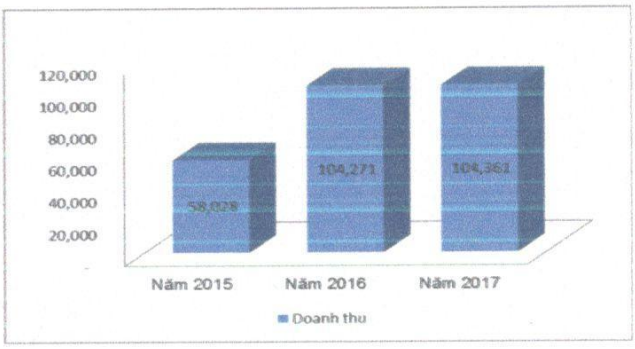

Trong năm 2017, Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 vượt qua những khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội hoàn thành kế hoạch đề ra. Cụ thể, năm 2017, Doanh thu đặt hàng quản lý bảo trì đường thủy nội địa, các công trình khác và kinh doanh thương mại của Công ty đạt: **104.360.785.013** đồng tăng 9% so với năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt 947.395.954 đồng giảm 11,75% so với năm 2016, trong đó:

Doanh thu năm 2017	**104.360.785.013**	**đồng**
Trong đó: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa	11.794.355.454	đồng
Doanh thu khối ĐTKC đảm bảo GT	11.317.911.325	đồng
Doanh thu từ khối xây dựng	5.775.992.727	đồng
Doanh thu từ lĩnh vực khác	216.248.553	đồng
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại, xăng dầu, than, đá viên, nước tinh khiết	75.256.276.954	đồng

Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2016-2017

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	% so với năm 2016
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	104.270.959.456	104.360.785.013	+ 9%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	3.626.506	2.656.889	- 26,74%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty)

- Cơ cấu chi phí

Bảng số 3: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2016-2017

TT	Năm 2016 (đồng)	Tỷ trọng so với tổng doanh thu (%)	Năm 2017(đồng)	Tỷ trọng so với tổng doanh thu (%)
Giá vốn hàng bán	90.497.655.990	86,79%	91.701.449.589	87,87%
Chi phí tài chính	817.928.246	0,78%	1.168.923.647	1,12%
Chi phí bán hàng	6.083.860.660	5,83%	4.712.254.721	4,52%
Chi phí QLQLDN	5.300.417.819	5,08%	5.490.637.752	5,26%
Chi phí khác	186.247.509	0,17%	84.745.000	0,08%
Tổng chi phí	**102.886.110.224**	**98,67%**	**103.158.010.709**	**98,85%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty)

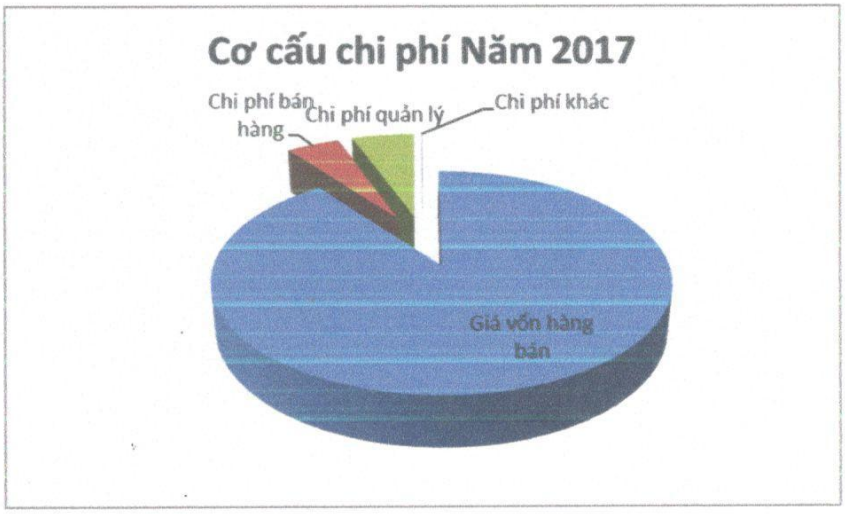

Với việc tăng trưởng 9% về doanh thu so với năm 2016, thì tổng chi phí trong năm 2017 cũng có sự gia tăng từ 102.886.110.224 đồng năm 2016 lên 103.158.010.709 đồng so với năm 2017. Hầu hết chi phí đều tăng nguyên nhân là do năm 2017 chi phí tài chính của Công ty tăng mạnh là do khoản tiền lãi tiền vay tăng từ 29.605.810.210 đồng năm 2016 lên 52.238.400.000 đồng năm 2017.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2017:

Bảng số 4: Kết quả hoạt động SXKD so với kế hoạch năm 2017

TT	Kế hoạch năm 2017 (đồng)	Thực hiện năm 2017 (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	**105.194.000.000**	**104.360.785.013**	99%
Doanh thu từ QLBT, ĐTKC đảm bảo giao thông, ĐT chống va trôi và doanh thu khác	17.784.000.000	29.104.508.059	163,66%
Doanh thu từ hoạt động thương mại	87.410.000.000	75.256.276.954	86,1%
Lợi nhuận trước thuế	1.500.000.000	1.290.176.193	86,1%
Lợi nhuận sau thuế	1.200.000.000	947.395.954	78,95%
Chi trả cổ tức (NQ ĐHĐCĐ 2017)	870.000.000	870.000.000	100%
Dự kiến thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.400.000	5.400.000	100%

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Giám đốc điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ CM	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Hồng Minh	1982	Giám đốc	CN kinh tế	3,69%
2	Nguyễn Phi Trường	1966	Phó Giám đốc	CN kinh tế	3,08%
3	Trần Văn Ơn	1970	Phó Giám đốc	CN kinh tế	3,85%
4	Trịnh Đình Kiêm	1969	Phó Giám đốc	Kỹ sư CTT	3,46%

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Giám đốc điều hành:

1. Phạm Hồng Minh – Giám đốc:

Họ và tên	**PHẠM HỒNG MINH**
- Số CMND	125043047 cấp ngày 04/06/2012 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	06/08/1982
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Thôn Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Thôn Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12

- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T5/2006-T9/2009	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2009-T5/2011	Phó phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2011-T9/2011	Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011-T2/2015	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
23/3/2015-25/4/2015	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
25/4/2015 đến nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	42.800 cổ phần chiếm 3,69% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

2. Nguyễn Phi Trường - Phó Giám đốc

Họ và tên	**NGUYỄN PHI TRƯỜNG**
- Số CMND	125008914 cấp ngày 16/10/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	06/6/1966
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T11/1992-T10/2000	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn quản lý

	đường thủy nội địa số 4
T11/2000-T12/2000	Phó phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T01/2001-T10/2006	Trưởng phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2006-T12/2012	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T2/2012-T2/2015	Phó Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy NĐ số 4
T3/2015 đến nay	Phó Giám đốc - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
- Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc; Chủ tịch Công đoàn; Thường vụ - Đảng ủy viên Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	35.700 cổ phần chiếm 3,08% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

– **3. Trần Văn Ơn – Phó Giám đốc**

Họ và tên	**TRẦN VĂN ƠN**
- Số CMND	125197402 cấp ngày 06/09/2002 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	09/01/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Đại chỉ hiện tại	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T9/1992-T11/2002	Công nhân các trạm quản lý đường sông: Minh Đạo; Bắc Giang; Hòa Long – Đoạn QLĐS số 4
T12/2002-T12/2003	Trạm phó phụ trách Trạm quản lý đường sông Bố Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T01/2003-T7/2004	Trạm trưởng Trạm QLĐS Bố Hạ - Đoạn QLĐS số 4

T8/2004-T6/2013	Phó phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐS số 4;
T7/2003-T12/2005	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Đoạn QLĐTNĐ số 4
T3/2015 – 05/02/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
06/02/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
- Chức vụ hiện nay	Phó Giám đốc; Bí thư chi bộ Văn phòng I; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	44.700 cổ phần chiếm 3,85% Vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

4.Trịnh Đình Kiêm - Phó Giám đốc

Họ và tên	**TRỊNH ĐÌNH KIÊM**
- Số CMND	125583666 cấp ngày 10/6/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	12/9/1969
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phố Vũ – Tuyên Hoàng – Gia Bình – Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phố Vũ – Tuyên Hoàng – Gia Bình – Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T5/1992-T10/2004	Trạm QLĐTNĐ Minh Đạo
T10/2004-T12/2004	Trạm QLĐTNĐ Kiều Lương
T12/2004-T12-2006	Chuyên viên phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T12/2006-T2/2015	Đội trưởng Đội Công trình – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T3/2015 đến 05/02/2017	Thành viên ban kiểm soát – Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – Công ty CPQLBTĐTNĐ số 4
Từ 06/02/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Chức vụ hiện nay tại	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4

Công ty	Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn; Bí thư Chi bộ xây dựng công trình.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	40.100 cổ phần chiếm 3,46% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách đào tạo:

Công ty rất chú trọng vào lĩnh vực đầu tư nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo lại lực lượng lao động. Kế hoạch đào tạo hàng năm căn cứ vào yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty sẽ tuyển dụng lao động phù hợp;

Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên. Lương của người lao động được trả theo quy chế trả lương của Công ty do HĐQT ban hành. Năm 2017 Công ty trả lương theo quyết định số 200/QĐ-HĐQT ngày 19/04/2017 do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành về việc Ban hành Quy chế lương, thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

+ Trả lương theo thời gian đối với cán bộ, nhân viên nghiệp vụ, Văn phòng theo chức năng nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành công việc trong tháng.

+ Trả lương khoán cho các khối kinh doanh xăng dầu, các Trạm quản lý bảo trì đường thủy nội địa và các công trình khác.

+ Thưởng nhân dịp lễ, tết trong năm.

Tổng số cán bộ công nhân viên trong toàn đơn vị năm 2017 là: 152 người
Thu nhập bình quân: 5.400.000 đồng/người/tháng

3. Tình hình đầu tư,thực hiện các dự án

a) **Các khoản đầu tư lớn:**

Năm 2017 Công ty triển khai đầu tư 01 xe ô tô tải cho Xí nghiệp Thương mại dịch vụ và 01 xuồng cao tốc phục vụ công tác điều tiết khống chế đảm bảo an toàn giao thông với giá trị tài sản : 876.269.091 đồng, cụ thể như sau :

+ Xuồng cao tốc 235.287.373 đồng
+ Xe ô tô THACO 5,6 tấn 640.981.718 đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Bảng số 5: Tình hình tài chính Công ty năm 2016-2017

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (VNĐ)	Năm 2017 (VNĐ)	% tăng, giảm năm 2017 so với năm 2016
1	Tổng tài sản	50.364.352.566	49.603.394.076	- 1,51%
2	Doanh thu thuần	104.270.959.456	104.360.785.013	+ 9%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.388.475.738	1.290.176.193	- 7,08%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.388.475.738	1.205.431.193	- 13,18%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.073.531.089	947.395.954	- 11,75%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6,5%	7,5%	+15,38%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, năm 2017của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Bảng số 6: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,98	1
Khả năng thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	Lần	0,89	0,9
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,74	0,72
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,91	2,8
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	30,47	26,58
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng TS)	Vòng	2,07	2,1
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,01	0,01
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,09	0,07
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,02	0,02
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,01	0,01

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, năm 2017 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.160.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 11.600.000.000 đồng *(Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)*
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 180.300 cổ phần.

c) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 7: Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1.Cổ đông trong nước	**167**	**1.160.000**	**11.600.000.000**	**100%**
1.1.Tổ chức				
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	1	591.600	5.916.000.000	51%
Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Việt Nhật	1	81.200	812.000.000	7%
1.2.Cổ đông cá nhân	165	487.200	4.872.000.000	42%
2.Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
3.Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng	**167**	**1.160.000**	**11.600.000.000**	**100%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4)

Bảng số 8: Danh sách cổ đông nắm giữ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2017

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1.Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Tầng 23, tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.	591.600	5.916.000.000	51%
2.Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Việt Nhật	Số 18- Ngõ 251 Phường Kim Mã – Quận Ba Đình – TP Hà Nội.	81.200	812.000.000	7%
Tổng cộng		**672.800**	**6.728.000.000**	**58%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4)

d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi
e) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
f) Các chứng khoán khác: Không có

6. **Chính sách liên quan đến người lao động**:

a) ***Số lượng lao động, mức lao động trung bình đối với người lao động***:

Số lượng lao động: 152 người

Mức lương trung bình đối với người lao động:

Về chính sách phân phối tiền lương năm 2017; căn cứ vào quy chế trả lương của Công ty số 200/QĐ-HĐQT do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành gnayf 19/04/2017 được áp dụng từ ngày 01/01/2017 về việc ban hành Quy chế lương, thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý baorm trì đường thủy nội địa số 4; quy định phân phối tiền lương tại các xí nghiệp,Trạm quản lý bảo trì đường thủy nội địa đảm bảo tính dân chủ, công khai đến từng người lao động.

Mức lương bình quân năm 2017: 5.400.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đới sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Cán bộ công nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc, đối với lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn bảo hộ lao động.

Công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, thiết bị nghiêm ngặt về an toàn và các quy định về công tác an toàn cho người lao động được huấn luyện theo quy định đồng thời kiểm tra giám sát thường xuyên.

Công ty đã lo đầy đủ về tinh thần và vật chất trong các ngày lễ, tết trong năm mức : 500.000 đ/người/ngày lễ.

b) ***Hoạt động đào tạo người lao động***:

Năm 2017 Công ty có 01 đồng chí tiếp tục theo học lớp Đại học tại chức; 01 đồng chí được cử theo học lớp Trung cấp chính trị do Thành ủy Bắc Ninh tổ chức.

6.1- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác khuyến học, năm 2017 Công ty đã khen thưởng cho các cháu đạt thành tích học sinh giỏi các cấp và các cháu thi đỗ Đại học với tổng số tiền: 18.150.000 đồng.

Công ty đóng góp đầy đủ các quỹ xã hội từ thiện, quỹ nhân đạo, ủng hộ chất độc da cam, vì người nghèo, khuyến học, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng báo miền trung với tổng số tiền: 33.480.000 đồng.

6.2- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Khó khăn:

Bước vào năm 2017 nền kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi sau những khủng hoảng và suy thoái kinh tế trầm trọng, diễn biến phức tạp. Doanh thu quản lý bảo trì đường thủy nội địa năm 2017 sụt giảm mạnh gây nên không ít khó khăn về đời sống, việc làm an sinh cho người lao động.

1.2. Thuận lợi:

Trước những khó khăn trên công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ mô hình quản lý hành chính sự nghiệp sang Công ty cổ phần đã chuyển mạnh mẽ, bước đầu đạt được kết quả trong hoạt động kinh doanh và gia nhập vào những lĩnh vực mới nhiều tiềm năng. Bằng chiến lược kinh doanh được Ban lãnh đạo Công ty chủ động sáng tạo, đoàn kết, hoạch định phù hợp với tình hình thực tế đã đạt được các kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh năm 2017 – thể hiện qua các con số sau (Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán).

1.3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh;

Năm 2017, Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã đạt mức doanh thu thuần là 104.360.785.013 đồng, tăng 9% so với năm 2016, mức tăng doanh thu chủ yếu nhờ vào tăng nguồn thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty như : Quản lý bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết khống chế đảm bảo an toàn giao thông các công trình trên tuyến Công ty quản lý, hoạt động kinh doanh xăng dầu và than.

Công ty duy trì tổ chức thực hiện quản lý chất lượng ISO 9001-2008 cấp ngày 14/7/2016 đến 14/9/2018; trực tiếp tham gia chăm sóc khách hàng sau bán hàng để ghi nhận những hạn chế trong quá trình bán hàng và chủ động đề suất bổ sung cho phù hợp.

Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt được là: 947.395.954 đồng.

Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Số dư ngày 1/2/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp ngày 31/12/2017
Phải nộp	**2.751.463.361**	**2.753.292.965**	**2.003.570.092**	**3.501.186.234**
Thuế Giá trị gia tăng	2.486.518.712	2.341.687.634	1.650.000.000	3.178.206.346
Thuế Thu nhập DN	264.944.649	258.035.239	200.000.000	322.979.888
Thuế Thu nhập cá nhân		35.423.092	35.423.092	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		111.147.000	111.147.000	
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác		7.000.000	7.000.000	

Thu nhập cho cổ đông:

Trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM, toàn bộ lãi sau thuế năm 2017 của Công ty là 947.395.954 đồng. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu của năm 2017 là: 712 đồng.

Theo Nghị quyết số 217/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2017 dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 7,5%/cổ phần (750 đồng/cổ phần), tổng số tiền : 870.000.000 đồng, hình thức chi trả: Chuyển khoản hoặc tiền mặt;

Số còn lại trích quỹ tại Công ty: 77.395.954 đồng.

Nhận xét chung:

Ưu điểm:

Lãnh đạo Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, thực hiện tốt công tác quản trị chi phí bảo toàn vốn và lợi nhuận, các khoản giao nộp Nhà nước và cấp trên theo quy định.

Tinh thần đoàn kết kỷ luật, sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu chính đề ra đời sống tinh thần vật chất người lao động được cải thiện, thu nhập ổn định.

Những tồn tại cần khắc phục:

Cần chủ động công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng những tiến bộ kỹ thuật mới và thiết bị mới đầu tư để nâng cao uy tín của Công ty trong giai đoạn hội nhập kinh tế hiện nay.

2.Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Thực trạng về tài sản cố định theo số liệu báo cáo kiểm toán tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2017 tổng tài sản của Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 như sau:

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017

Tài sản	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	Thay đổi 2017 so với 2016 (%)
A. Tài sản ngắn hạn	**35.769.317.439**	**35.824.657.997**	**0,15**
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	76.792.201	241.068.992	213,9
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	32.281.424.222	31.969.632.004	(0,97)
IV. Hàng tồn kho	3.285.933.530	3.613.957.001	9,9
V.Tài sản ngắn hạn khác	125.167.486		
B. Tài sản dài hạn	**14.595.035.117**	**13.778.736.079**	**(5,59)**
II. Tài sản cố định	13.797.021.665	12.909.686.902	(6,43)
IV.Tài sản dở dang dài hạn	99.800.000	99.800.000	
VI.Tài sản dài hạn khác	698.213.452	769.249.177	10,17
Tổng cộng tài sản	**50.364.352.556**	**49.603.394.076**	**(1,51)**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016,2017 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

Bảng số 10: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017

ĐVT: VND

Hạng mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2017	**9.580.820.903**	**1.655.901.870**	**19.127.144.655**	**46.000.000**	**30.409.867.428**
Tăng trong năm			**876.269.091**		**876.269.091**
Mua trong năm			876.269.091		876.269.091
Giảm trong năm					
Số dư tại 31/12/2017	**9.580.820.903**	**1.655.901.870**	**20.003.413.746**	**46.000.000**	**31.286.136.519**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2017	**2.009.863.437**	**388.618.731**	**14.098.716.170**	**25.647.425**	**16.612.845.763**
Tăng trong năm	**675.898.848**	**150.046.932**	**931.252.702**	**6.405.372**	**1.763.603.854**
Khấu hao trong năm	675.898.848	150.046.932	931.252.702	6.405.372	1.763.603.854
Giảm trong năm					
Số dư tại 31/12/2017	**2.775.762.285**	**538.665.663**	**15.029.968.872**	**32.052.797**	**18.376.449.617**
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2017	7.480.957.466	1.267.283.139	5.028.428.485	20.352.575	13.797.021.665
Tại 31/12/2017	**6.805.058.618**	**1.117.236.207**	**4.973.444.874**	**13.947.203**	**12.909.686.902**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016,2017 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

b) Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2017:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải trả của Công ty 2015-2016

ĐVT: VND

Tài sản	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017(đồng)	Thay đổi 2017 so với 2016 (%)
C. Nợ phải trả	**37.469.821.467**	**36.627.520.879**	**(2,25)**
I.Nợ ngắn hạn	**36.603.149.467**	**35.760.848.879**	**(2,3)**
1.Phải trả người bán ngắn hạn	4.372.967.963	3.320.915.943	(24,06)
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	543.511.499	584.878.394	7,61
3.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.751.463.361	3.501.186.234	27,25
4.Phải trả người lao động	1.749.211		
9.Phải trả ngắn hạn khác	17.107.962.839	12.626.458.308	(26,2)
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.807.642.440	15.727.400.000	33,2
12.Quỹ khen thưởng phúc lợi	17.852.154		
II.Nợ dài hạn	**866.672.000**	**1.065.166.000**	**22,9%**
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	866.672.000	1.065.166.000	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016,2017 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

c) Tình hình nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2017:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải thu của Công ty 2016-2017

ĐVT: VND

Tài sản	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	Thay đổi 2017 so với 2016 (%)
Nợ phải thu	**32.281.424.222**	**31.969.632.004**	**(0,97)**
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	28.022.211.310	23.476.758.289	(16,22)
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	924.550.054	885.384.512	(4,24)
6.Phải thu ngắn hạn khác	3.334.662.858	7.607.489.203	128,1

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016,2017 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**:

Trong giai đoạn hiện nay hoạt động sản xuất kinh của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu quản lý bảo trì giảm mạnh, cạnh tranh cùng ngành nghề diễn ra gay gắt, sức ép chi phí tiền lương và an sinh xã hội rất lớn.

Công tác đấu thầu các gói bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết khống chế đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa năm 2018 đang được chuẩn bị đảm bảo tiến độ đề ra.

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty đoàn kết tin tưởng vào sợ lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty, định hướng mục tiêu cụ thể của Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong quá trình chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

4.1. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu năm 2018

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: VND

1. Tổng Doanh thu ước đạt	**116.522.000.000**	đồng
Trong đó:		đồng
+ Doanh thu từ khối quản lý bảo trì	15.272.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối ĐTKC ĐBATGT	16.050.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối thương mại xăng dầu, đá viên, nước tinh khiết	75.000.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối xây dựng	10.000.000.000	đồng
+ Doanh thu từ lĩnh vực khác	200.000.000	đồng
2. Lợi nhuận trước thuế ước đạt	**1.515.000.000**	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	**1.212.000.000**	đồng
+ **Cổ tức** : Dự kiến chia cổ tức năm 2018 tỷ lệ 7,5%/cổ phần (750 đồng/cổ phần), tổng số tiền:	870.000.000	đồng
+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản		
+ Số còn lại trích các quỹ	342.000.000	đồng
5. Thu nhập bình quân người lao động	**6.000.000**	đ/người/tháng

4.2. Các biện pháp để hoàn thành kế hoạch:

Một là: Tranh thủ sự ủng hộ của cơ quan chức năng đặc biệt là Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Bắc Giang tạo điều kiện hỗ trợ Công ty về cơ chế, chính sách, đặt hàng, chỉ định thêm các công trình trên địa bàn tuyến.

Hai là: Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng quản trị trú trọng nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp coi đó là nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng thương hiệu doanh nghiệp vươn nên tầm cao mới gia tăng sức cạnh tranh trong nền kinh tế mở, cụ thể ban lãnh đạo đưa ra giải pháp:

Áp dụng quy trình ISO quản lý chất lượng trong công tác điều hành, hoạt động của Công ty. Năm 2015, Công ty đã triển khai hợp đồng với Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT tư vấn TCVN ISO 9001-2008 ban hành quy trình quản lý chất lượng, ban hành quy chế quản trị nội bộ mang tính chuyên sâu và theo sát các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Ngày 14/7/2016 Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) – Tổng Cục đo lường chất lượng cấp Quyết định số 4060/QĐ-QUACERT về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong lĩnh vực hoạt động : Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa (Giấy chứng nhận số : HT 3693.16.34

Hiệu lực: từ 14/7/2016 đến 14/9/2018

Ngày cấp giấy chứng nhận lần đầu: 14/7/2016)

Tiếp tục đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động

Ban lãnh đạo Công ty xây dựng nhân tố con người là nhân tố quyết định trong sự phát triển của doanh nghiệp. Công ty đã và đang cử cán bộ, người lao động đi đào tạo mới và đào tạo lại với kỳ vọng lực lượng lao động của Công ty sẽ tham gia vào thị trường lao động ngày càng sôi động của địa phương.

Ba là: Phát huy tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của mọi người lao động, đặc biệt là bộ phận quản lý công ty, người đứng đầu các bộ phận, tăng cường đoàn kết trong nội bộ đơn vị, tăng cường hơn nữa sự đồng thuận, đoàn kết của cán bộ công nhân viên chung sức, đóng góp về trí tuệ, vốn, công sức góp phần xây dựng đơn vị phát triển qua giai đoạn khởi nghiệp khó khăn.

Bốn là: Tái cơ cấu dây truyền, quy mô các bộ phận sản xuất để phù hợp với tỷ trọng doanh thu, chi phí giữa các lĩnh vực kinh doanh. Mở rộng quy mô lĩnh vực thương mại cũ là dầu diezen, đá viên sạch, nước tinh khiết đã được triển khai và bước đầu cho thấy kết quả khả quan.

Năm là: Phục vụ cho việc tăng đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, công ty trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cho chủ trương tăng huy động vốn bằng biện pháp kết hợp hai hình thức huy động vốn tại chỗ từ cán bộ công nhân viên trong Công ty và huy động vốn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Ban Lãnh đạo Công ty xem xét cân nhắc tính hiệu quả của từng phương án đưa ra tỷ trọng của các hình thức huy động vốn trên một cách hợp lý.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ đảm bảo chỉ tiêu môi trường hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động:*

Công tác đời sống xã hội, phong trào công nhân viên chức có tiến bộ, vượt qua mọi khó khăn, lao động sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Kết quả năm 2016 Công ty không có vụ tai nạn lao động nào xảy ra.

c) ***Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:***

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện, ủng hộ quỹ chất độc da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai, ủng hộ đồng bào miền trung...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2017 là năm thứ 3 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, vượt qua những khó khăn, thách thức của nền kinh tế, với kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được cùng với những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, sự đoàn kết, năng động trong HĐQT, Ban Giám đốc Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã khắc phục những tồn tại, tìm ra những giải pháp phù hợp lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.

Dù gặp nhiều khó khăn thách thức đối với ngành đường thủy nội địa, Công ty chủ động trong lựa chọn trong cung ứng nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị; huy động cân đối nguồn vốn; đào tạo nâng cao trình độ người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong lựa chọn, sử dụng cán bộ để phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến, tiết kiệm của cá nhân, tập thể người lao động; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hòa các hoạt động dịch vụ, đẩy mạnh công tác quảng bá bán hàng nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt kết quả khả quan.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Do yêu cầu của công tác sản xuất của Công ty ngày 25 tháng 01 năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã tổ chức họp và thông qua nội dung văn bản số 120/ĐTKDV-DT2 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SIIC về việc tham gia ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty và thông qua nội dung bổ sung số lượng Phó Giám đốc từ 02 lên 03 vị trí. Hội đồng quản trị đã thông qua nội dung bổ sung số lượng Phó Giám đốc từ 02 lên 03 vị trí. Giao Ban Giám đốc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty cổ phần quản

lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đối với các ông Trần Văn Ơn – Trưởng Phòng Kinh doanh dự án; Trịnh Đình Kiêm – Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình, trình Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Ngày 06 tháng 02 năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 công bố quyết định số 36/QĐ-HĐQT; QĐ số 37/QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Trần Văn Ơn và ông Trịnh Đình Kiêm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT;

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời, cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của cán bộ công nhân viên để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty, có biện pháp chỉ đạo kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

Chấp hành tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tình hình kinh tế 2017, dự báo 2018 và các năm tiếp theo vẫn còn nhiều khó khăn do những tồn tại của nhiều năm trước, công tác quản lý bảo trì đường thủy nội địa sụt giảm mạnh gây nên những khó khăn cho Công ty trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trước những khó khăn cấp bách hiện nay, Hội đồng quản trị đã đưa ra những giải pháp chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Chủ động chuẩn bị các nguồn vốn cho sản xuất và đời sống người lao động;

Tiếp tục mở rộng quy mô bán lẻ xăng dầu, thực hiện đa dạng hóa các hoạt động thương mại dịch vụ, tiếp cận các dự án của Ban quản lý đường thủy nội địa để xúc tiến công tác đấu thầu và xin chỉ định thầu nhằm giải quyết công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt trong lĩnh vực bán hàng và thương mại dịch vụ, mở rộng thị trường.

Chủ động, phát huy tối đa tiềm năng các nguồn lực : lao động, thiết bị và cơ sở vật chất sắc có hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017.

V- Công tác quản trị công ty:

1.Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị

Bảng số 12: Danh sách thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền BQ
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	4,4%
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	3,69%
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	3,08%
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	2,41%
5	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	3,46%

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

1. Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	**DƯƠNG HẢI THANH**
Số CMND:	012899067 cấp ngày 19/03/2012 tại Công an Hà Nội
Ngày sinh:	04/04/1968
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Nhà 17 ngách 379/34 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
Địa chỉ hiện tại:	Nhà 17 ngách 379/34 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công trình thủy, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
T1/1990-T3/1993	Cán bộ kỹ thuật Đoạn QLĐTNĐ số 4
T4/1993-T11/1997	Phó Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T12/1997-T8/2004	Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T9/2004-T4/2011	Phó trưởng phòng kế hoạch đầu tư; Tổ chức cán bộ; Quản lý phương tiện và thuyền viên; Quản lý hạ tầng Cục Đường thúy nội địa Việt Nam;
T5/2011-T2/2005	Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 –T4/2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	51.000 cổ phần chiếm 4,4% tổng vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	295.800 cổ phần chiếm 25,5% tổng vốn Điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

2. Phạm Hồng Minh - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	**PHẠM HỒNG MINH**
- Số CMND	125043047 cấp ngày 04/06/2012 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	06/08/1982
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	T.Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, T. Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	T.Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, T. Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T5/2006-T9/2009	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2009-T5/2011	Phó phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2011-T9/2011	Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011-T2/2015	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
23/3/2015-25/4/2015	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
25/4/2015 đến nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	42.800 cổ phần chiếm 3,69% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

3. Nguyễn Phi Trường -Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	**NGUYỄN PHI TRƯỜNG**
- Số CMND	125008914 cấp ngày 16/10/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	06/6/1966
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T11/1992-T10/2000	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2000-T12/2000	Phó phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T01/2001-T10/2006	Trưởng phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2006-T12/2012	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T2/2012-T2/2015	Phó Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 đến nay	Phó Giám đốc - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc; Chủ tịch Công đoàn; Thường vụ - Đảng ủy viên Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	35.700 cổ phần chiếm 3,08% vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

4 . Phạm Văn Hanh - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	**PHẠM VĂN HANH**
- Số CMND	121375526 cấp ngày 12/6/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp

- Ngày sinh	20/11/1971
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T12/2002-T4/2007	Trạm QLĐTNĐ Bố Hạ - Đoạn QLĐTNĐ số 4
T4/2007-T10/2009	Trạm Phó Trạm QLĐTNĐ Bố Hạ - Đoạn QLĐTNĐ số 4
T10/2009-T2/2011	Phó trạm trưởng phụ trách Trạm QLĐTNĐ Bố Hạ - Bí thư chi bộ sản xuất I -Đoạn QLĐTNĐ số 4
T2/2011-T9/2011	Phó trưởng phòng TCHC – Đảng ủy viên Đoạn QLĐTNĐ số 4
T9/2011-T2/2015	Đảng ủy viên – Bí thư chi bộ Văn phòng II, Trưởng phòng TCHC Đoạn QLĐTNĐ số 4
T3/2015 đến 23/04/2017	Trưởng ban kiểm soát – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
24/4/2017 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị; Ủy viên Ban thường vụ, Phó Bí thư Đảng bộ; Trưởng phòng TCHC; Ủy viên BCH Công đoàn Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	28.000 cổ phần chiếm 2,41% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
5 . Nguyễn Văn Tặng	**- Ủy viên Hội đồng quản trị**
Họ và tên	**NGUYỄN VĂN TẶNG**
- Số CMND	125686319 cấp ngày 03/5/2002 do Công an Tỉnh

	Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	03/05/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu tập thể đường sông – Phúc Sơn – Vũ Ninh – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu tập thể đường sông – Phúc Sơn – Vũ Ninh – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công trình thủy
- Quá trình công tác	
T9/1992-T12/1992	Đội Khảo sát – Đoạn QLĐS số 4
T1/1993-T12/1993	Trạm QLĐS Minh Đạo – Đoạn QLĐS số 4
T1/1994-T1/2004	Phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐS số 4
T2/2004-T3/2007	Phó phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T4/2007-T2/2005	Trưởng phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T3/2015 đến nay	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng kỹ thuật Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng kỹ thuật Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	40.100 cổ phần chiếm 3,46% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b)Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị luôn cập nhật tình hình hoạt động cảu Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao.

Thực hiện Nghị quyết số 217/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2017 Nghị quyết Đại hội đồng cổ Đông thường niên năm 2017 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 HĐQT đã lãnh đạo bám sát Điều lệ tổ chức, hoạt động.

Tính đến từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Hội đồng quản trị tổ chức 05 cuộc họp và 06 lấy ý kiến bằng văn bản với nội dung chủ yếu sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Phạm Hồng Minh	UV HĐQT – Giám đốc	05	100%	
3	Nguyễn Phi Trường	UV HĐQT	04	100%	
4	Phạm Văn Hanh	UV HĐQT	05	100%	
5	Nguyễn Văn Tặng	UV HĐQT	05	100%	

Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2017:

+ Nghị quyết số 35/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua nội dung bổ sung số lượng Phó Giám đốc từ 02 lên 03 vị trí; Bỏ phiếu kín để bầu chức danh Phó Giám đốc Công ty;

+ Nghị quyết số 111/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua nội dung chốt danh sách cổ đông ngày 04/04/2017 phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4 năm 2017 và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mức 6,5%/cổ phiếu (650 đồng/cổ phiếu);

+ Nghị quyết số 168/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4:

Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016;

Thông qua phương án kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017;

Thông qua nội dung chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội nghị người lao động Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4 vào ngày 24/04/2017;

Thông qua Quy chế trả lương năm 2017;

Thông qua quy chế phân công, phân cấp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc;

Sắp xếp tổ chức lại các Trạm QL ĐTNĐ cho phù hợp;

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban kiểm soát; Thành viên Ban kiểm soát. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát; thành viên Ban kiểm soát;

+ Nghị quyết 217/2017/NQQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2017 thông qua:

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2016.

Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2017.

Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2016.

Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016;

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và dự kiến phương án chia cổ tức năm 2017 theo nội dung tờ trình của Hội đồng quản trị;

Thực hiện kế hoạch năm 2017:

Năm 2017 Công ty tập trung thực hiện những nội dung cơ bản sau đây:

+ Thực hiện đấu thầu bảo trì tuyến đường thủy nội địa quốc gia khu vực 2 và điều tiết hướng dẫn đảm bảo giao thông thủy khu vực 1 – Ban quản lý dự án Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

+ Thi công các công trình theo đặt hàng của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đối với hạng mục điều tiết chống va trôi kết hợp điều tiết các cầu trên tuyến sông Công ty quản lý.

+ Kinh doanh bán lẻ dầu Diezen và kinh doanh thương mại than.

+ Sản xuất và kinh doanh đá sạch, nước tinh khiết.

Về đầu tư:

+ Đầu tư xe ô tô tải 6,4 tấn với giá trị: 640.981.718 đồng.

+ Đầu tư 01 xuồng cao tốc với giá trị: 235.287.373 đồng.

Về tổ chức:

+ Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát;

Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban kiểm soát; thành viên ban kiểm soát;

+ Thay đổi tên "Xí nghiệp thương mại cơ khí công trình" thành: "Xí nghiệp thương mại xăng dầu";

+ Sắp xếp lại các Trạm quản lý đường thủy nội địa.

Huy động vốn: Hạn mức tối đa 20 tỷ đồng bằng hình thức vay cổ đông, vay các Ngân hàng thương mại.

Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị năm 2017 theo tờ trình của Hội đồng quản trị.

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2017 theo tờ trình của Hội đồng quản trị.

Phê chuẩn :

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Trần Văn Ơn;

Miễn nhiệm Trưởng ban kiểm soát đối với ông Phạm Văn Hanh;

Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Trịnh Đình Kiêm;

Bổ sung ông Phạm Văn Hanh tham gia thành viên Hội đồng quản trị thay ông Trần Văn Ơn để phù hợp với Điều lệ Công ty;

Bổ sung bà Nguyễn Thị Hằng tham gia Ban kiểm soát và giữ chức vụ:Trưởng Ban kiểm soát thay ông Phạm Văn Hanh chuyển công việc khác.

Bổ sung bà Trần Thị Thoan tham gia thành viên Ban kiểm soát thay ông Trịnh Đình Kiêm để phù hợp với Điều lệ Công ty.

+ Nghị quyết số 394/NQ-HĐQT ngày 28/7/2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua:

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và phương án kế hoạch triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2017, Ban Giám đốc cần phải có các giải pháp quyết liệt để hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ do Đại hội cổ đông đề ra;

Nhất trí chủ trương để ban Giám đốc lập dự án đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện dự án khi có sự chấp thuận của Tổng Công ty đầu tư

và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) trong 6 tháng cuối năm 2017 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 28/7/2017;

Giao Ban Giám đốc xây dựng các quy chế làm việc trình Hội đồng quản trị phê duyệt thời gian quý 3/2017;

Các quyết định của HĐQT:

+ Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 06/02/2017 của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm ông Trần Văn Ơn – Cử nhân Kinh tế, Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

+ Quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 06/02/2017 của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm ông Trịnh Đình Kiêm – Kỹ sư Công trình thủy, Giám đốc Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí – Công trình, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

+ Quyết định số 200/QĐ-HĐQT ngày 19/04/2017 của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo quyết định này "Quy chế lương, thưởng và chế độ đối với người lao động" tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

+ Quyết định số 201/QĐ-HĐQT ngày 19/04/2017 của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo quyết định này "Quy chế phân cấp và mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc" tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

+ Quyết định số 243/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2017 của Hội đồng quản trị về việc đổi tên "Xí nghiệp Thương mại, cơ khí – Công trình" thành "Xí nghiệp Thương mại Xăng dầu".

Trong năm HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban thường vụ Đảng ủy, Công đoàn Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, có mối liên hệ chặt chẽ với Ban kiểm soát và cung cấp đầy đủ nghị quyết các cuộc họp HĐQT.

Mọi hoạt động Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong từng lĩnh vực quản lý của Công ty.

Các quy chế đã thực hiện theo pháp luật, Điều lệ hoạt động và thực tiễn kinh doanh trong cơ chế thị trường cùng với sự ủy quyền cao nhất tạo điều kiện thông thoáng cho bộ máy viên chức lãnh đạo quản lý điều hành công ty.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không
e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Bảng 13: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ QLHCNN
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên chính
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT- Giám đốc	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên chính
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	Kỹ sư Công trình thủy	Chuyên viên
5	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên

1.2. Ban Kiểm soát

Bảng 14: Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Thị Hằng	1981	Trưởng ban KS	Cử nhân Kinh tế	0.09%
2	Trần Thị Thoan	1979	Thành viên	Cử nhân Kinh tế XD	0,26%
3	Trần Thị Kiều	1987	Thành viên	Cử nhân QTDN	0,03%

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	NGUYỄN THỊ HẰNG
- Số CMND	125033067 ngày cấp 26/10/2009 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	26/12/1981
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số nhà 36, Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

- Địa chỉ hiện tại	Số nhà 36, Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
Tháng 8/2003-15/10/2012	Kế toán Tiết kiệm Bưu điện, Bưu điện Tỉnh Bắc Ninh
Từ 16/10/2012- 04/3/2015	Nhân viên Đội Công trình – Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
Từ 05/3/2015 đến 23/4/2017	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình – Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Từ 24/04/2017 – nay	Trưởng ban kiểm soát – Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình (Nay là Xí nghiệp thương mại Xăng dầu) – Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát – Nhân viên Xí nghiệp thương mại Xăng dầu - Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	1.100 cổ phần chiếm 0,09% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Họ và tên	**TRẦN THỊ THOAN**
- Số CMND	162200889 cấp ngày 04/8/2008 do Công an Tỉnh Nam Định cấp
- Ngày sinh	Ddinhj/10/1979
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 03, đường Võ Cường 21, Khu Hòa Đình, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Số 03, đường Võ Cường 21, Khu Hòa Đình, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế xây dựng
- Quá trình công tác	

Tháng 1 năm 2004 đến tháng 11 năm 2009	Nhân viên Phòng Kế hoạch – Đoạn Quản lý đường sông số 4 (Nay là Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4)
Tháng 12/2009 đến 04/3/2015	Phó Phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Chủ tịch Công đoàn – Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
Từ 05/03/2015 đến 23/4/2017	Phó Phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Từ 24/04/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát - Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	3.000 cổ phần chiếm 0,26% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Họ và tên	**TRẦN THỊ KIỀU**
- Số CMND	145197035 cấp ngày 08/9/2010 do Công an Tỉnh Hưng Yên cấp
- Ngày sinh	26/7/1987
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 168, đường Thiên Đức, Phường Vệ An, TP Bắc Ninh , Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Số 168, đường Thiên Đức, Phường Vệ An, TP Bắc Ninh , Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác	
T3/2011-25/4/2016	Nhân viên Phòng Kinh tế kế hoạch – Đoạn QLĐTNĐ số 4 (nay là Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
26/4/2016- nay	Thành viên ban kiểm soát – Nhân viên Phòng Kinh

	doanh dự án Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Thành viên ban kiểm soát – Nhân viên Phòng Kinh doanh dự án Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	300 cổ phần chiếm 0,03% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

a) **Hoạt động của Ban kiểm soát**:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

+ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật Công ty.

+ Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đo đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

+ Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập, kiểm tra báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán để xem xét những ảnh hưởng sai sót kế toán kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính.

+ Những chất vấn, yêu cầu của một số cổ đông được giải quyết thấu đáo trong phạm vi quyền hạn và theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, hoạt động của Ban kiểm soát vẫn còn hạn chế như xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên chưa được cụ thể, chưa chủ động trong việc đề xuất kế hoạch kiểm tra.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại đơn vị thành viên Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bảng 15: BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 (TỪ 01/01/2017 ĐẾN 31/12/2017)

ĐVT: VND

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao HĐQT	Ghi chú
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	157.356.000	
2	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	147.876.000	
3	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT	135.646.800	
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	106.480.620	
5	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	110.716.620	
7	Trần Văn Ơn	1970	Thành viên HĐQT	43.712.000	4 tháng
8	Nguyễn Thị Hằng	1981	Trưởng ban KS	44.992.000	8 tháng
9	Trịnh Đình Kiêm	1969	Thành viên Ban KS	41.712.000	4 tháng
10	Trần Thị Thoan	1979	Thành viên Ban KS	54.752.720	8 tháng
11	Trần Thị Kiều	1987	Thành viên Ban KS	61.875.000	
	Cộng			**905.119.760**	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: 13.500 cổ phần

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: 13.500 cổ phần.

d) d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

e) Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị Công ty: Không có.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán :**

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 được lập ngày 05 tháng 2 năm 2018 từ trang 01 đến trang 23 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 được đăng tải trên website của Công ty : www.inwama4.vn

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- SCIC;
- Đăng trên Websits Công ty;
- HĐQT,BKS;
- Lưu VT; thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2300882483 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4
TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

Dương Hải Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bắc Ninh, tháng 02 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phi Trường	Ủy viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Ủy viên
	Ông Trần Văn Ơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc
	Ông Trần Văn Ơn	Phó Giám đốc
	Ông Trịnh Đình Kiêm	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Phạm Hồng Minh
Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính TP. Hà Nội

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

T +84 (4) 3 783 2121
F +84 (4) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W htpp://cpavietnam.vn

Số: 85/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4, được lập ngày 05/02/2018, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Vũ Ngọc Án	**Nguyễn Thị Mai Hoa**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**35.824.657.997**	**35.769.317.439**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**241.068.992**	**76.792.201**
1. Tiền	111		241.068.992	76.792.201
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**31.969.632.004**	**32.281.424.222**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	23.476.758.289	28.022.211.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		885.384.512	924.550.054
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	7.607.489.203	3.334.662.858
IV. Hàng tồn kho	**140**		**3.613.957.001**	**3.285.933.530**
1. Hàng tồn kho	141	5.4	3.613.957.001	3.285.933.530
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**-**	**125.167.486**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	-	125.167.486
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**13.778.736.079**	**14.595.035.117**
II. Tài sản cố định	**220**		**12.909.686.902**	**13.797.021.665**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	12.909.686.902	13.797.021.665
- Nguyên giá	*222*		*31.286.136.519*	*30.409.867.428*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(18.376.449.617)*	*(16.612.845.763)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**99.800.000**	**99.800.000**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	99.800.000	99.800.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**769.249.177**	**698.213.452**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	769.249.177	698.213.452
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**49.603.394.076**	**50.364.352.556**

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

		MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**36.825.014.879**	**37.469.821.467**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**35.759.848.879**	**36.603.149.467**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	3.320.915.943	4.372.967.963
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		584.878.394	543.511.499
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	3.501.186.234	2.751.463.361
4.	Phải trả người lao động	314		-	1.749.211
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	12.625.468.308	17.107.962.839
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	15.727.400.000	11.807.642.440
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	17.852.154
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**1.065.166.000**	**866.672.000**
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	1.065.166.000	866.672.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**12.778.379.197**	**12.894.531.089**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.12**	**12.778.379.197**	**12.894.531.089**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*11.600.000.000*	*11.600.000.000*
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		368.000.000	234.000.000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		693.379.197	943.531.089
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		-	*468.969.435*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*693.379.197*	*474.561.654*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**49.603.394.076**	**50.364.352.556**

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chu Thị Thập	Đinh Thị Đào	Phạm Hồng Minh

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	104.360.785.013	104.270.959.456
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		104.360.785.013	104.270.959.456
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	91.701.449.589	90.497.655.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		**12.659.335.424**	**13.773.303.466**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	2.656.889	3.626.506
7. Chi phí tài chính	22	5.16	1.168.923.647	817.928.246
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.168.923.647*	*817.928.246*
8. Chi phí bán hàng	25	5.17	4.712.254.721	6.083.860.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.17	5.490.637.752	5.300.417.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**1.290.176.193**	**1.574.723.247**
11. Thu nhập khác	31	5.18	-	-
12. Chi phí khác	32	5.18	84.745.000	186.247.509
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**	**5.18**	**(84.745.000)**	**(186.247.509)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	**50**		**1.205.431.193**	**1.388.475.738**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	258.035.239	314.944.649
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	**60**		**947.395.954**	**1.073.531.089**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	598	664

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chu Thị Thập	Đinh Thị Đào	Phạm Hồng Minh

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1		2	4	5
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	**01**	**1.205.431.193**	**1.388.475.738**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***			
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.763.603.854	1.496.563.593
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.656.889)	(3.626.506)
	- Chi phí lãi vay	06	1.168.923.647	817.928.246
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	**08**	**4.135.301.805**	**3.699.341.071**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	311.792.218	(14.634.644.083)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(328.023.471)	(632.528.040)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(5.130.641.233)	6.089.093.594
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	54.131.761	(424.799.133)
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.168.923.647)	(699.644.913)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(200.000.000)	(247.728.033)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(2.326.362.567)**	**(6.850.909.537)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(876.269.091)	(2.096.451.017)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.656.889	3.064.815
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(873.612.202)**	**(2.093.386.202)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
3.	Tiền thu từ các khoản vay	33	52.238.400.000	29.605.810.210
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.120.148.440)	(21.702.368.877)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(754.000.000)	(532.492.200)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**3.364.251.560**	**7.370.949.133**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**164.276.791**	**(1.573.346.606)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**76.792.201**	1.650.138.807
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**241.068.992**	76.792.201

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chu Thị Thập	Đinh Thị Đào	Phạm Hồng Minh

M.S.D.N: 2300882483 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4 TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm: 151 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; điều tiết, khống chế, chống va trôi, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa; trục vớt, thanh thải vật chướng ngại; hoa tiêu đường thủy nội địa;
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết,bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa.

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 38
Máy móc, thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải	05-15
Dụng cụ, quản lý	05

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), đối với các công cụ dụng cụ có giá trị lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

  Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	160.612.139	42.388.681
Tiền gửi ngân hàng	80.456.853	34.403.520
Tổng	**241.068.992**	**76.792.201**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**23.476.758.289**	**28.022.211.310**
Công ty TNHH Vận tải và xếp dỡ đường thuỷ nội địa	3.620.138.000	3.620.138.000
Cục Đường Thủy Nội Địa Việt Nam	4.922.123.211	700.520.000
Công ty TNHH một thành viên Hùng Anh Vĩnh Phúc	528.612.592	7.189.811.155
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	14.405.884.486	16.511.742.155
Tổng	**23.476.758.289**	**28.022.211.310**

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**7.607.489.203**	-	**3.334.662.858**	-
- Ký cược, ký quỹ	382.019.919		493.822.900	-
- Phải thu các đội, xí nghiệp	4.562.060.953	-	-	-
- Phải thu khác	932.733.733	-	1.028.592.032	-
- Tạm ứng	1.730.674.598	-	1.812.247.926	-
Tổng	**7.607.489.203**	-	**3.334.662.858**	-

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	119.068.403	-	24.148.636	-
Công cụ, dụng cụ	17.545.870	-	24.545.400	-
Chi phí SX KDDD	2.006.356.543	-	2.186.602.995	-
Thành phẩm	47.043.321	-	7.625.303	-
Hàng hóa	1.423.942.864	-	1.043.011.196	-
Tổng	**3.613.957.001**	-	**3.285.933.530**	-

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	-	**125.167.486**
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	109.955.146
Chi phí Bảo hiểm	-	15.212.340
Dài hạn	**769.249.177**	**698.213.452**
Chi phí công cụ, dụng cụ	569.443.624	616.074.563
Chi phí hệ thống quản lý chất lượng ISO, chi phí sửa chữa	199.805.553	82.138.889
Tổng	**769.249.177**	**823.380.938**

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	**9.580.820.903**	**1.655.901.870**	**19.127.144.655**	**46.000.000**	**30.409.867.428**
Tăng trong năm	**-**	**-**	**876.269.091**	**-**	**876.269.091**
Mua trong năm			876.269.091		876.269.091
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 31/12/2017	**9.580.820.903**	**1.655.901.870**	**20.003.413.746**	**46.000.000**	**31.286.136.519**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	**2.099.863.437**	**388.618.731**	**14.098.716.170**	**25.647.425**	**16.612.845.763**
Tăng trong năm	**675.898.848**	**150.046.932**	**931.252.702**	**6.405.372**	**1.763.603.854**
Khấu hao trong năm	675.898.848	150.046.932	931.252.702	6.405.372	1.763.603.854
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 31/12/2017	**2.775.762.285**	**538.665.663**	**15.029.968.872**	**32.052.797**	**18.376.449.617**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	**7.480.957.466**	**1.267.283.139**	**5.028.428.485**	**20.352.575**	**13.797.021.665**
Tại 31/12/2017	**6.805.058.618**	**1.117.236.207**	**4.973.444.874**	**13.947.203**	**12.909.686.902**

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
-Chi phí sửa chữa văn phòng	71.709.091	71.709.091	71.709.091	71.709.091
- Công trình phao dầu số 3	28.090.909	28.090.909	28.090.909	28.090.909
Tổng	**99.800.000**	**99.800.000**	**99.800.000**	**99.800.000**

5.8 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**3.320.915.943**	**3.320.915.943**	**4.372.967.963**	**4.372.967.963**
Công ty cổ phần Đầu tư TVHT	614.575.000	614.575.000	1.013.250.000	1.013.250.000
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	1.007.458.418	1.007.458.418	1.213.103.242	1.213.103.242
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	239.402.000	239.402.000	985.059.000	985.059.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.459.480.525	1.459.480.525	1.161.555.721	1.161.555.721
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	**3.320.915.943**	**3.320.915.943**	**4.372.967.963**	**4.372.967.963**

5.9 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	**2.751.463.361**	**2.753.292.965**	**2.003.570.092**	**3.501.186.234**
Thuế giá trị gia tăng	2.486.518.712	2.341.687.634	1.650.000.000	3.178.206.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.944.649	258.035.239	200.000.000	322.979.888
Thuế thu nhập cá nhân	-	35.423.092	35.423.092	-
Thuế tài nguyên	-			-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	111.147.000	111.147.000	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-

5.10 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	**12.625.468.308**	**17.107.962.839**
Kinh phí công đoàn	72.470.160	-
Bảo hiểm xã hội	527.460.095	1.129.598.946
Bảo hiểm y tế	376.202.221	239.830.755
Bảo hiểm thất nghiệp	255.947.303	106.448.879
Phải trả, phải nộp khác	-	35.602.000
Phải trả các xí nghiệp, các đội	11.393.388.529	15.596.482.259
Tổng	**12.625.468.308**	**17.107.962.839**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Vay	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**15.727.400.000**	**15.727.400.000**	**51.728.400.000**	**47.808.642.440**	**11.807.642.440**	**11.807.642.440**
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	22.401.000.000	22.368.392.440	6.467.392.440	6.467.392.440
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	3.650.000.000	3.650.000.000	19.790.000.000	21.480.250.000	5.340.250.000	5.340.250.000
Công ty TNHH vận tải thủy Hoàng Diên	1.400.000.000	1.400.000.000	1.900.000.000	500.000.000	-	-
Vay cá nhân	4.177.400.000	4.177.400.000	7.637.400.000	3.460.000.000	-	-
Vay dài hạn	**1.065.166.000**	**1.065.166.000**	**670.250.000**	**471.756.000**	**866.672.000**	**866.672.000**
Ngân hàng TMCP An Bình-Chi nhánh Bắc Ninh	541.676.000	541.676.000	-	324.996.000	866.672.000	866.672.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	523.490.000	523.490.000	670.250.000	146.760.000	-	-
Tổng	**16.792.566.000**	**16.792.566.000**	**52.398.650.000**	**48.280.398.440**	**12.674.314.440**	**12.674.314.440**

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	**11.600.000.000**	**-**	**-**	**1.054.769.435**	**12.654.769.435**
Lãi trong năm	-			1.073.531.089	1.073.531.089
Phân phối lợi nhuận (2015)	-	117.000.000	234.000.000	(598.969.435)	(247.969.435)
Chia trả cổ tức (2015)	-	-	-	(585.800.000)	(585.800.000)
Số dư tại 31/12/2016	**11.600.000.000**	**117.000.000**	**234.000.000**	**943.531.089**	**12.894.531.089**
Số dư tại 01/01/2017	**11.600.000.000**	**117.000.000**	**234.000.000**	**943.531.089**	**12.894.531.089**
Lãi trong năm	-	-	-	947.395.954	947.395.954
Phân phối lợi nhuận (2016)	-	-	134.000.000	(189.531.089)	(55.531.089)
Chia trả cổ tức (2016)	-	-	-	(754.000.000)	(754.000.000)
Phân phối lợi nhuận (2017)	-	-	-	(254.016.757)	(254.016.757)
Số dư tại 31/12/2017	**11.600.000.000**	**117.000.000**	**368.000.000**	**693.379.197**	**12.778.379.197**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	5.916.000.000	5.916.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.684.000.000	5.684.000.000
Tổng	**11.600.000.000**	**11.600.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp tại cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**754.000.000**	**585.800.000**
Phân phối quỹ	**55.531.089**	**247.969.435**

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**1.160.000**	**1.160.000**
Số lượng cổ phiếu phát hành	**1.160.000**	**1.160.000**
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**1.160.000**	**1.160.000**
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.13 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	75.256.276.954	104.270.959.456
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.104.508.059	-
Tổng	**104.360.785.013**	**104.270.959.456**

5.14 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	69.612.946.777	90.497.655.990
Giá vốn cung cấp dịch vụ	22.088.502.812	-
Tổng	**91.701.449.589**	**90.497.655.990**

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.656.889	3.626.506
Tổng	**2.656.889**	**3.626.506**

5.16 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	1.168.923.647	817.928.246
Tổng	**1.168.923.647**	**817.928.246**

5.17 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí bán hàng	**4.712.254.721**	**6.083.860.660**
Chi phí nhân viên	1.824.390.135	3.462.161.359
Chi phí vật liệu, bao bì	151.657.292	246.736.021
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	207.108.661	269.055.516
Chi phí khấu hao TSCĐ	685.380.714	505.717.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí vận chuyển		*55.158.078*
- Chi phí mua ngoài khác		340.710.236
Chi phí bằng tiền khác		
- Chi phí chiết khấu	*408.549.800*	*341.373.200*
- Chi tiếp khách, khánh tiết	*478.752.091*	
- Chi phí bằng tiền khác	*956.416.028*	*862.948.536*
Chi phí quản lý	**5.490.637.752**	**5.300.417.819**
Chi phí nhân viên quản lý	2.838.516.906	2.554.387.772
Chi phí vật liệu quản lý	163.187.172	171.730.162
Chi phí đồ dùng văn phòng	254.371.095	259.222.089
Chi phí khấu hao TSCĐ	439.138.788	408.915.956
Thuế phí và lệ phí	301.941.144	446.647.099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.275.306	312.860.079
Chi phí bằng tiền khác		
- Chi tiếp khách, khánh tiết	*754.131.463*	*535.866.177*
- Chi phí bằng tiền khác	*598.075.878*	*610.788.485*
Tổng	**10.202.892.473**	**11.384.278.479**

5.18 Thu nhập/ Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Tổng	-	-
Chi phí khác		
Phạt, lãi chậm nộp thuế và Bảo hiểm	84.745.000	186.247.509
Tổng	**84.745.000**	**186.247.509**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**(84.745.000)**	**(186.247.509)**

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	**1.205.431.193**	**1.388.475.738**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	84.745.000	186.247.509
Thu nhập chịu thuế	**1.290.176.193**	**1.574.723.247**
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**258.035.239**	**314.944.649**
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	258.035.239	314.944.649
Tổng	**258.035.239**	**314.944.649**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**947.395.954**	**1.073.531.089**
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh giảm	254.016.757	303.500.524
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**693.379.197**	**770.030.565**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.160.000	1.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**598**	**664**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chu Thị Thập	Đinh Thị Đào	Phạm Hồng Minh